TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P,** **TỈNH ANGIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 6 – 2023

"V/v Ly hôn giữa
chị Tr và anh H "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tác

2. Bà Huỳnh Thị Thể Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P *tham gia phiên tòa:*

Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Tr, sinh năm 1977 *(có đơn xin vắng mặt).*

Nơi thường trú: Số 480, tổ 12, ấp N, xã T1, huyện P, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện tại: Đường 120, Hẻm 2/49, phường Ph thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: anh H, sinh năm 1978 *(vắng mặt).*

Nơi thường trú: Số 480, tổ 12, ấp N, xã T1, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tr trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: năm 2010 chị và anh H quen biết nhau và đồng ý kết hôn, năm 2013 đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T1, huyện P, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 121, Quyển số 01/2013 ngày 30/10/2013. Chị và anh H ở nhờ nhà chị C (chị ruột chị Tr) cùng ấp N. Tháng 5/2013 chị sinh con, đến ngày đầy tháng con chị về nhà mẹ chồng (Huỳnh Thị S) gần đó để tổ chức đầy tháng, qua ngày sau chị và mẹ chồng mâu thuẫn về quà tặng của con. Đến tháng 7/2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H cờ bạc gây nợ nần chị phải trả, nhiều lần chị khuyên bảo anh H không sửa đổi, vì con chị cố gắng chịu đựng. Năm 2019 vợ chồng cùng đi làm công nhân tại tỉnh Long An, anh H vẫn cờ bạc. Năm 2020 vợ chồng trở về quê, anh H không đồng ý ở nhà chị C, nên anh H về ở nhà mẹ chồng, chị về nhà cha mẹ ruột (huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp). Năm 2021 vợ chồng mâu thuẫn nhiều hơn do chị đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh, anh H ghen tuông vô cớ, có lời lẽ thô tục khó nghe. Từ đầu năm 2023 đến nay vợ chồng ly thân, không hàn gắn. Nay, chị yêu cầu ly hôn anh H.

+ Nuôi con chung: có 01 con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 02/5/2013, anh H đang nuôi dưỡng. Chị giao con chung cho anh H tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về chia tài sản và nợ chung: không có.

- *Tại Bản tự khai ngày 16/5/2023 của anh H (là bị đơn) trình bày:*

+ Về hôn nhân: anh nhất trí với trình bày trên của chị Tr về thời gian kết hôn và có đăng ký kết hôn. Năm 2019 vợ chồng đi làm tại tỉnh Long An, quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn về tình cảm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, năm 2020 anh trở về quê, chị Tr vẫn làm công ty, thời gian này vợ chồng còn qua lại, nhưng vẫn thường cự cãi nhau, từ đầu năm 2023 đến nay vợ chồng ly thân. Nay, chị Tr yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

+ Nuôi con chung: có 01 con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 02/5/2013, anh đang nuôi dưỡng. Anh yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng.

+ Về chia tài sản và nợ chung: không có.

- Tại Biên bản xác minh ngày 16/5/2023 của Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân của chị Tr và anh H, được bà Huỳnh Thị S (mẹ ruột anh H) cho biết chị Tr và anh H có mâu thuẫn và cự cãi nhau, từ năm 2023 không thấy chị Tr về sống chung với anh H. Chị Tr yêu cầu ly hôn anh H, bà không có ý kiến, để anh chị tự quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh H theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; về nuôi con chung, giao con chung tên Nguyễn N cho anh H tiếp tục nuôi theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, anh H không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con, nên chị Tr không phải cấp dưỡng; về chia tài sản, hai bên không có yêu cầu

nên không xem xét; về án phí chị Tr phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Tr và anh H.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của chị Tr và anh H là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, vợ chồng mâu thuẫn theo chị Tr khai do anh H cờ bạc và ghen tuông vô cớ, anh H cho rằng mâu thuẫn về tình cảm, không có tiếng nói chung, anh chị đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay không hàn gắn, từ lúc chị Tr khởi kiện ly hôn đến nay anh H không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị Tr yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý ly hôn. Cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị Tr và anh H.

[2.2] Về nuôi con chung: cháu Nguyễn N do anh H đang nuôi dưỡng, hai bên thống nhất giao cháu N cho anh H tiếp tục nuôi, cháu N đã trên 07 tuổi cũng có nguyện vọng sống với cha. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con", nhưng anh H không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng cho con là tự nguyện của anh, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình chị Tr được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản : chị Tr và anh H khai không có và không yêu cầu giải quyết, nên Toà án không đề cập.

[2.5] Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Tr và anh H trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm, chị Tr phải chịu án phí hôn nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Tr và anh H, Giấy chứng nhận kết hôn số 121, Quyển số 01/2013 ngày 30/10/2013 của Ủy ban nhân dân xã T1, huyện P, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 02/5/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H đang nuôi. Anh H không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con, nên chị Tr không phải cấp dưỡng.

Chị Tr không trực tiếp nuôi con, chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Tr và anh H trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Tr phải chịu án phí 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006055 ngày 03 – 4 – 22023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã T1;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Phương